

mắt” (1948).

Truyện của Nam Cao thấm đượm một ý vị triết lý trữ tình, chứa chan tinh thần nhân đạo. Có tài kể chuyện, giỏi phân tích

tâm lí nhân vật, ngôn ngữ rất gần với lời ăn tiếng nói quần chúng,... Nam Cao là gương mặt tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam hiện đại

### Tóm tắt truyện

Độ và Hoàng là đôi bạn văn chương ở Hà Nội trước Cách mạng. Kháng chiến bùng nổ, Độ trở thành một cán bộ tuyên truyền nhai nhép. Còn Hoàng đưa vợ con đi tản cư về một làng cách xa Hà Nội hàng trăm cây số. Vợ chồng anh được người quen cho ở nhờ 3 gian nhà gạch sạch sẽ. Vẫn nuôi chó béc giê. Độ đi bộ hàng chục cây số đến thăm Hoàng. Vợ chồng Hoàng đón tiếp Độ thân tình, cởi mở. Hai vợ chồng anh thi nhau kể xấu người nhà quê đủ thứ: ngu độn, lỗ mãng, ích kỷ, tham lam, bần tiện cả hay hỏi giấy tờ. Viết chữ quốc ngữ sai vắn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên. Hoàng kể cho Độ nghe chuyện anh thanh niên vác bó tre làm công tác phá hoại căn cứ giới địch, đọc thuộc lòng bài “ba giai đoạn” dài đến năm trang giấy. Chuyện một ông chủ tịch khu phố xuất thân bán cháo lòng, một ông chủ tịch “làng này” cho rằng phụ nữ thì phải “thị này thị nọ”.

Người ta mời Hoàng dạy Bình dân học vụ hay làm tuyên truyền, nhưng anh không thể nào công tác với họ được, thà bị họ

gọi là phản động. Vợ chồng anh đóng cổng suốt ngày, chỉ giao du với đám cận bã của giới thượng lưu trí thức cùng tản cư về. Hoàng tâm sự với Độ là anh bí lắm nhưng chưa nản vì còn tin vào ông Cụ:

“Dù dân mình có tội đi nữa, ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường”.

Buổi tối hôm ấy, nằm trong màn tuyn trắng muốt, chủ và khách nghe chị Hoàng đọc Tam Quốc. Tiếng chị Hoàng thanh thanh. Hoàng hỏi Độ là Tào Tháo có giỏi không? Mỗi lần đến đoạn hay, Hoàng vỗ đùi kêu: “Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! Tiên sư anh Tào Tháo!”

### Chủ đề

**Phê phán** cách nhìn đời, nhìn người lệch lạc, khinh miệt, lối sống ích kỷ và bàng quan của một trí thức đối với kháng chiến, đồng thời **biểu dương** một lớp trí thức, văn nghệ sĩ có một cái tâm đẹp, gắn bó với nhân dân, tích cực tham gia sự nghiệp cách mạng của dân tộc. “Đôi mắt” thể hiện cách nhìn và thái độ của người trí thức đối với nông dân và kháng chiến.

### Vấn đề “đôi mắt” của Hoàng và Độ

Vấn đề “**đôi mắt**” là thái độ, là cách nhìn người, nhìn đời, là cách ứng xử với thời cuộc, với cuộc kháng chiến của dân tộc. Cũng là nhà văn nhưng Hoàng và Độ sống rất khác nhau “đôi mắt” của họ không giống nhau ở cách nhìn đời, nhìn người và cách sống...

#### 1. Nhân vật Hoàng

- Thuộc lớp đàn anh trong văn giới. Thời Nhật Tây lộn xộn, anh ta là “một tay chợ đen rất tài tình”. Tính nét thất thường, hay đổ ky và “đá” bạn.

- Tản cư về nông thôn nhưng khinh bỉ nông dân, kể xấu họ đủ điều, “mũi nhãn lại như ngửi thấy mùi xác thối”.

- Bàng quan trước thời cuộc. Không tham gia bất cứ một công việc gì của kháng chiến. Đóng cổng suốt ngày.

Vẫn giữ một

lối sống sang trọng không hợp lí: nuôi chó béc giê, màn tuyn, hút thuốc lá thơm, đọc Tam quốc mỗi tối trước khi đi ngủ.

- Tin lãnh tụ mà coi thường vai trò và sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Vẫn là một cách nhìn lệch lạc.

Tóm lại, Hoàng là một văn sĩ lạc hậu, kém nhân cách, lệch lạc trong nhìn người và nhìn đời, vô trách nhiệm đối với sự nghiệp kháng chiến của dân tộc. Với Hoàng “vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lắm, chỉ càng thêm chua chát và chán nản”.

## 2. Nhân vật Độ

Anh tự nhận là “một kẻ non dại, mới tập tọng học nghề” trong văn giới.

Hăm hở dẫn thân: theo nông dân “đi đánh phủ” cướp chính quyền, làm phóng viên mặt trận, làm anh tuyên truyền nhái nhép...

- Sống giản dị, gần gũi quần chúng

- Có một tấm lòng nhân hậu, một cái tâm đẹp, nhìn quần chúng, phát hiện ở họ những phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, dũng cảm, nhiệt tình tham gia kháng chiến, v.v...

Độ là một nhà văn, một trí thức tiên bộ. Giàu nhân cách. Tích cực tham gia kháng chiến. Khẳng định một tam thế: “Sống đã rồi hãy viết” và Độ đã hăng hái tham gia và phục vụ kháng chiến.

## Kết luận

Với nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, cách xây dựng nhân vật tương phản đối lập, bằng những chi tiết cụ thể, cá thể hóa, Nam Cao đã ghi nhận một thành công đầu tiên của văn xuôi kháng chiến, làm cho truyện “**Đôi mắt**” trở thành một tuyên ngôn nghệ thuật của một thế hệ nhà văn sau Cách mạng buổi nhận đường”

## Tác giả

Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, người Hà Nội, sinh năm 1920. Là một nhà văn có nguồn sáng tạo to lớn. Có trên 100 tác phẩm. Trước cách mạng, nổi tiếng với truyện “Dế mèn phiêu lưu ký”. Sau năm 1945, có “Truyện Tây Bắc”, “Mười năm”,

“Miền Tây”, “Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ”, “Tự truyện”, v.v...

Sáng tác của Tô Hoài thể hiện vốn hiểu biết phong phú về đời sống và phong tục, chất tạo hình và chất thơ qua miêu tả và

kể chuyện đầy thú vị. Là một nhà văn viết truyện về miền núi rất thành công.

## Xuất xứ

Tập “Truyện Tây Bắc” được Tô Hoài viết năm 1952. Gồm có 3 truyện: “Vợ chồng A Phủ”, “Chuyện Mường Giôn”, “Cứu

đất cứu Mường”, Năm 1952, theo bộ đội vào giải phóng Tây Bắc, một chuyến đi dài 8 tháng, Tô Hoài đã mang về xuôi bao

kỷ niệm sâu sắc về người và cảnh Tây Bắc. “Truyện Tây Bắc” đã được tặng giải Nhất, Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt

Nam 1945-1955. Truyện “Vợ chồng A Phủ” là truyện hay nhất trong tập truyện này.

## Tóm tắt

Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ Mị, không đủ tiền cưới phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ.

Mẹ Mị đã chết,

bố Mị đã già mà món nợ mỗi năm phải trả lãi một nương ngô vẫn còn. Năm đó, ở Hồng Ngài tết đến, A Sử con trai thống lí

Pá Tra lừa bắt cóc được Mị về làm vợ cúng trình ma. Mị trở thành con dâu gạt nợ. Khổ hơn con trâu con ngựa, lùi lùi như

con rùa trong xó cửa. Mị toan ăn lá ngón tự tử. Thương cha già, Mị chết không đành. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi.

Một cái tết nữa lại đến. Mị thấy lòng phơi phới. Cô uống rượu ực từng bát, rồi chuẩn bị lấy váy áo đi chơi. A Sử đã trối đứng

Mị bằng một thúng sợi đay.

A Phủ vì tội đánh con quan nên bị làng phạt vạ một trăm bạc trắng. A Phủ trở thành người ở nợ cho Pá Tra.

Một năm rừng

động, A Phủ để hổ bắt mất một con bò. Pá Tra đã trối đứng anh vào một cái cọc bằng một cuộn mây. Mấy ngày đêm trôi

qua, A Phủ sắp chết đau, chết đói, chết rét thì được Mị cắt dây trối cứu thoát. Hai người trốn đến Phiêng

Sa nên vợ nên chồng. A Phủ gặp cán bộ A Châu kết nghĩa làm anh em được giác ngộ trở thành chiến sĩ du kích đánh Pháp.

## Chủ đề

Sự thống khổ của người Mèo ở Tây Bắc dưới ách thống trị dã man của bọn chúa đất và lũ Tây đồn. Sự vùng dậy của họ để giành lấy tự do, hạnh phúc và tham gia kháng chiến, giải phóng quê hương.

## Nội dung

### 1. Giá trị hiện thực

- Bọn chúa đất, bọn thống lí cấu kết với giặc Pháp, được bọn Tây đồn cho muối về bán, ăn của dân nhiều, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc nhiều thuốc phiện nhất làng.  
- Pá Tra cho vay nợ lãi, Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí. Tuổi xuân và hạnh phúc bị cướp mất. Mị sống khổ nhục hơn con trâu, con ngựa.

- A Phủ vì tội đánh con quan mà bị làng xử kiện, bị đánh, bị phạt vạ, trở thành kẻ ở nợ cho Pá Tra.

- Cảnh Mị bị A Sử trói đứng. Cảnh A Phủ bị trói cho đến chết vì tội để hổ bắt mất bò.

- Cảnh bọn Tây đồn Bản Pe càn quét khu du kích Phiềng Sa: cướp lợn, giết người, đốt phá vô cùng tàn bạo.

### 2. Giá trị nhân đạo

Nỗi đau khổ của Mị và sự vùng dậy của Mị toan ăn lá ngón tự tử..., uống rượu, mặc váy áo đi chơi xuân, cắt dây trói cứu

A Phủ, cùng chạy trốn.

- Nỗi khổ đau của A Phủ: sống cô độc, bị đánh, bị phạt vạ... vì tội đánh con quan. Bị trói cho đến chết vì tội để hổ bắt

mất bò.

- Được Mị cứu thoát. Cùng chạy trốn đến Phiềng Sa. Mị và A Phủ nên vợ nên chồng. Vừa giành được tự do, vừa tìm

được hạnh phúc

- A Phủ kết nghĩa anh em với A Châu cán bộ. Trở thành chiến sĩ du kích quyết tâm đánh giặc để giải phóng bản Mèo...

- Mị và A Phủ: từ đau khổ, thân phận nô lệ, bị chà đạp dã man đã vùng dậy tự cứu giành được tự do, hạnh phúc; được giác ngộ cách mạng, đứng lên cầm súng chống lại bọn cướp nước và lũ tay sai.

- Những đêm tình mùa xuân của trai gái Mèo được nói đến như một phong tục chứa chan tinh thần nhân đạo, giàu bản sắc

văn hóa dân tộc.

## Nghệ thuật

1. Tả cảnh mùa xuân trên rẻo cao: hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ au, đỏ thắm, rồi sang màu tím man mát.

Chiếc váy Mèo như con bướm sặc sỡ. Tiếng sáo, tiếng hát tự tình của trai gái Mèo - đầy chất thơ dung dị và hồn nhiên.

2. Kể chuyện với bao chi tiết hiện thực, bao tình tiết cảm động. Dựng người, dựng cảnh sống động: cảnh xử kiện, cảnh Mị

cắt dây trói, cảnh ăn thè...

3. Sử dụng các câu dân ca Mèo... tạo nên phong vị miền núi đậm đà: “Anh ném pao, em không bắt-Em không yêu, quả pao rơi rồi...”

Tóm lại, truyện “Vợ chồng A Phủ” khẳng định một bước tiến mới của Tô Hoài, là thành tựu xuất sắc của văn xuôi kháng chiến thời chống Pháp. Câu văn xuôi trong sáng, thanh thoát, nhuần nhị.

## Tác giả

Kim Lân, tên thật là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920. Quê quán: Phù Lưu, Từ Sơn, Hà Bắc. Sở trường về truyện ngắn.

Thế giới nghệ thuật của ông là xóm làng quê với người dân cày Việt Nam. Viết rất hay về những thú chơi dân dã đồng quê

như chọi gà, thả diều, nuôi bồ câu, chơi núi non bộ,... mà ông gọi là thú “phong lưu đồng ruộng”.

Tác phẩm, 2 tập truyện ngắn: “Nên vợ nên chồng” (1955) và “Con chó xấu xí” (1962).

### Xuất xứ

“Vợ nhặt” có tiền thân là truyện “Xóm ngụ cư” - viết ngay sau Cách mạng tháng Tám. Bản thảo chưa in, 1954 viết lại.

### Chủ đề

Qua câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ, tác giả nói lên niềm cảm thông và trân trọng hạnh phúc muộn màng và niềm hy vọng về một sự đổi đời của người nông dân năm đói Ất Dậu.

### Tóm tắt

Cụ Tràng ở xóm ngụ cư, làm nghề kéo xe bò chở thuê. Đã nhiều tuổi, thô kệch, có tính vừa đi vừa nói lảm nhảm như kẻ dở hơi. Bà cụ Tứ mẹ hắn nghèo khổ. Hai mẹ con ở trong một mái nhà tranh vắng teo, rúm ró. Trận đói kinh khủng đang diễn ra, người chết đói như ngã rạ. Một lần kéo xe thóc Liên đoàn lên tỉnh, hắn hò một câu vượt dốc rất tình. Một cô gái ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng, liếc mắt cười tít. Lần thứ hai, Tráng gặp lại thị, trông khác hẳn, thị gầy sọp hẳn đi, áo quần tả tơi như tổ đĩa. Một vài câu trách móc, mời chào, thị ăn một chập 4 bát bánh đúc do Tráng đãi. Mua một cái thúng và 2 hào dầu, Tráng dẫn thị về nhà ra mắt mẹ. Xóm ngụ cư ngạc nhiên khi thấy một người đàn bà xa lạ đi theo Tráng họ bàn tán, có phần lo ngại. Trong nhá nhem tối, bà cụ Tứ gặp và nói chuyện với nàng dâu mới. Lần đầu nhà Tráng có dầu thắp đèn... Tiếng ai hờ khóc người chết đói ngoài xóm lọt vào. Sáng hôm sau, bà mẹ chồng và nàng dâu mới quét dọn trong nhà ngoài sân. Bữa cơm – cháo cám – đón nàng dâu mới. Bà cụ Tứ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu, nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng sau này. Lại một buổi sáng. Tiếng trống thúc thuế dồn dập. Quạ đen bay vu như mây đen. Thị nói về chuyện Việt Minh phá kho thóc Nhật. Tráng nhớ lại lá cờ đỏ bay phấp phới hôm nào...

### Người và cảnh được nói đến trong truyện

#### 1. Cảnh

Xóm ngụ cư một buổi chiều tàn và một buổi sáng.

Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Gió từ đồng thổi vào ngán ngắt. Dãy phố úp súp, tối om, không một ánh

đèn. Dưới gốc đa, gốc gạo, bóng những người đói đi lại dật dờ, lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ kêu từng hồi thê thiết.

Mùi đồng rắm khéplet tử khí. Tiếng hờ khóc ti tê của ai có người thân mới chết đói...

Cái đói đã tràn đến xóm ngụ cư. Khắp các lều chợ, người đói xanh xám như những bóng ma nằm ngổn ngang. Sáng nào cũng có ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Mùi ẩm thối của rác, mùi gậy xác chết vẩn lên.

Buổi sáng sau ngày Tráng có vợ, tiếng trống thúc thuế dồn dập. Quạ lượn vòng trên nền trời như đám mây đen. Đó là những nét vẽ rất điển hình làm hiện lên cảnh chết đói vô cùng thê thảm của xóm thôn Việt Nam cuối năm 1944, đầu năm 1945.

#### 2. Nhân vật

**a- Tráng:** đã lớn tuổi, nhà nghèo, thô kệch, dân ngụ cư, kéo xe bò thuê. Chỉ một câu hò ồm ờ, 4 bát bánh đúc, 2 hào dầu,

mua một cái thúng mà **nhật** được vợ. Tráng vỗ vào túi tiền, nói một câu bòi: “Rích bố cu!” Thỏ lộ với thị: “làm đếch gì có

vợ?”. Khoe hai hào dầu mới. Vươn cổ thổi tắt ngọn đèn. Cười khi khi... Đó là những nét vẽ hóm hỉnh về anh cu Tráng. Khi

nhật được vợ, Tráng rất lo trước nạn đói biết có nuôi nổi mình không lại còn đèo bồng, nhưng hắn đã chặc lưỡi một cái: “Chặc, kệ!”. Sáng hôm sau nhật được vợ, Tráng thấy cái gì cũng “thay đổi mới mẻ khác

lạ”. Trong lòng hắn tràn ngập “một nguồn vui sướng phấn chấn”. Hắn nghĩ tới bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn ăn cháo cám, thần mắt nhớ lại lá cờ

đỏ và đoàn người đói đi phá kho thóc Nhật mà hắn mới gặp hôm nào. Với Tráng, hạnh phúc muộn màng đến bất ngờ, lòng anh chứa chan hy vọng về một sự đổi đời.

**b- Bà cụ Tứ:** Già nua. Goá bụa. Nghèo khổ. Chỉ có một mụn con trai thì thô kệch. Lo chết đói. Bà hiền lành, phúc hậu khi

nói chuyện với nàng dâu. Bà tủi thân về phận nghèo hèn của hai mẹ con. Rất thương con và thương nàng dâu mới. Lo xa về

cái đói, nhưng vẫn tin tưởng: “Ai giàu ba họ, ai khó ba đời...” Bữa cháo cám mà bà nói toàn chuyện vui mai sau. Nước mắt

bà chảy ra vì vui, vì lo buồn, vì con bà đã “**có vợ được**”. Bà cùng con dâu thu dọn nhà cửa, vườn tược... một sự đổi đời hé

lộ đầy hạnh phúc. Không còn “bụng beo u ám”, mặt bà đổi “rạng rỡ hẳn lên”... Bà cụ Tứ là hiện thân của **lòng mẹ**.

### **c- Vợ của Tráng**

Không quê quán. Không người thân thương. Không tên tuổi. Sắp chết đói: áo quần tả tơi như tổ đũa, gầy sọp hẳn đi, trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt. Giữa trận đói, chẳng có cheo

cưỡi gì, chị đã thành **vợ nhật** của Tráng. Thật chua chát, “C ái giá” của người con gái chỉ có 4 bát bánh đúc, 2 hào dầu, một cái thúng. Bữa cơm đầu tiên thị ăn ở nhà chồng là bát cháo cám! Nỗi đau khổ, tủi

nhục của thị cũng là của nhân dân ta một thời mà hơn 2 triệu đồng bào ta đã chết đói. Trở thành vợ Tráng, thị thay đổi hẳn “hiền hậu đúng mực”...

### **Kết luận**

Chất liệu cuộc sống được tái hiện một cách chân thực cảm động. Tình huống truyện là nét đặc sắc trong nghệ thuật kể

chuyện của Kim Lân. Truyện giàu tính nhân bản. Sau bóng tối của người dân cày làm than là một rạng đông về hạnh phúc và

ấm no đang dần đến. Cách suy nghĩ và tình thương của lòng mẹ là những nét vẽ cảm động, đặc sắc nhất của truyện ngắn “Vợ

nhật” này. “Vợ nhật” còn có giá trị hiện thực sâu sắc: tố cáo tội ác của Pháp Nhật vợ vét thóc lúa của nhân dân ta, thủ phạm

gây ra nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu 1945, làm hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói./.

### **Tác giả**

Nguyễn Khải sinh năm 1930 ở Hà Nội, quê cha ở Nam Định. Là nhà văn quân đội. Tác phẩm tiêu biểu: “Xung

đột” (1953-1962), “Mùa lạc” (1960), “Chiến sĩ” (1973), “Gặp gỡ cuối năm” (1982), “Thời gian của người” (1985), v.v...

Nguyễn Khải là một nhà văn giàu sáng tạo, rất nhạy bén trước hiện thực cuộc sống. Năng lực phân tích tâm lý sắc sảo, sức mạnh của lý trí là mặt mạnh của trang văn Nguyễn Khải. Thời kỳ đổi mới văn học nước nhà, tác phẩm của Nguyễn Khải hàm chứa chất chính luận - triết lý.

### **Xuất xứ**

Truyện ngắn “Mùa lạc” rút trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Khải xuất bản năm 1960 nói về cuộc sống của những con người trên nông trường Điện Biên.

## Chủ đề

Cuộc đời chứa chan hạnh phúc của những số phận bất hạnh tìm thấy được trong mối quan hệ xã hội tốt đẹp đầy tình thương và trong lao động hòa bình

## Cuộc sống mới

Chiến trường Điện Biên hoang tàn đầy bom đạn dây thép gai... biến đổi từng ngày từng tháng. Màu xanh bãi trồng lạc mênh mông. Cánh chớ lạc đầy ắp, thân cây lạc, củ lạc. Máy tuốt lạc chạy rào rào. Tiếng cười nói, nô đùa. Báo tường, tập hát, tiếng sáo, thư tình... Tiếng trẻ con khóc, tiếng cười, tiếng thủ thi, những đám cưới. - Người ta làm việc, người ta yêu nhau... Cuộc sống vĩ đại đã trở lại rồi.

Nông trường Điện Biên, sau 2 mùa xuân, không chỉ có màu xanh của lạc, khoai đỗ lán dần cỏ dại, đất hoang mà còn là nơi đất lành chim đậu. Các chiến sĩ nông trường đã gắn bó với nhau trong lao động và tình thương, họ nghĩ đến con cháu sau này sẽ lớn lên ở nông trường – quê hương thứ hai vô cùng thân thiết của họ.

## Con người mới

- **Huân** là một người lính, từ khói lửa chiến tranh trở thành một tổ viên của tổ sản xuất trồng lạc trên nông trường Điện Biên trong hòa bình. Đẹp trai, trẻ trung, hăng hái lao động giỏi, khát khao tình yêu hạnh phúc, anh là niềm tin cậy của bạn bè.

- **Duệ**, một cô gái xinh xắn, tuổi thơ nhiều tủi nhục, lo âu, nhiều *bỡ ngỡ* trong tình yêu,

- **Ông Dịu**, trung đội trưởng già, góa vợ, phụ trách lò gạch của nông trường, đã có một đứa con ở quê nhà. Ông đã gửi

cho Đào lá thư cầu hôn, lá thư quyết định số phận của Đào.

- **Đào**, một phụ nữ nhiều bất hạnh. Người thô, sồ sề, mặt đầy tàn nhang, hàm răng khềnh, hai con mắt hẹp và dài, ngón

tay rất to, chân ngắn. Tóc khô lại đỏ như chết, hàm răng phai không buồn nhuộm. Lấy chồng từ 17 tuổi. Chồng rượu chè, cờ

bạc, bỏ đi Nam. Đẻ được đứa con trai lên hai thì chồng chết, mấy tháng sau con chết. Cô đơn, vất vưởng kiếm sống, buôn thúng bán mẹt, tối đâu là nhà, ngã đâu là giường. Sống táo bạo, liều lĩnh ghen tị với mọi người và hờn giận cho bản thân mình.

Lên nông trường Điện Biên khi đã 28 tuổi, với tâm lý đi xa, quên đi cuộc đời quá vãng. Đánh đá, sắc sảo, thuộc nhiều ca dao

câu hát. Nổi tiếng với bài thơ “Đường lên nông trường Điện Biên” đăng bích báo. Đào lao động giỏi chẳng kém gì thanh niên.

Lá thư cầu hôn của ông Dịu già, góa vợ phụ trách lò gạch nông trường đã đem đến cho Đào nhiều xúc động. Lá thư “như tiếng nhạc ngân vang mãi trong lòng chị”. Tâm tính Đào thay đổi dần. Chị vừa đẩy cáng lạc vừa cất tiếng hát véo von. Bị trêu chọc nhưng chị sẵn sàng tha thứ, xem mọi người là đáng yêu, đang vun xới hạnh phúc cho chị. Chị nghĩ đến hạnh phúc mai

sau khao khát có một quê hương, chính là nông trường Điện Biên. Huân và Duệ, Đào và Dịu, nhiều lứa đôi khác đã nên vợ nên chồng. Họ sẽ sinh con đẻ cái, tìm thấy hạnh phúc và sự đời

đời trên nông trường Điện Biên. Đoạn *trữ tình ngoài đời* đã làm sáng tỏ ý tưởng sâu sắc, đẹp đẽ ấy: *“Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hy sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy”* ... Nông trường Điện Biên trở thành quê hương thứ hai của Đào, và chị đã tìm thấy hạnh phúc ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ra ác liệt nhất. Chính mối quan hệ tốt

đẹp trong lao động và tình thương đồng loại là cái chìa khoá để Đào mở được cánh cửa cuộc đời và tìm được hạnh phúc đích thực.

## Kết luận

Truyện “Mùa lạc” viết về cuộc sống mới, con người mới. Tác giả đã tránh được sơ lược như nhiều truyện khác, trái lại ông đã tập trung miêu tả sự biến đổi số phận con người, sự hình thành những quan hệ đạo đức mới giữa con người, khẳng định những giá trị nhân đạo và lối sống trong xã hội mới. Chất thơ của truyện một phần toát ra ở những đoạn tả cảnh, tả người. Lần đầu tiên, Nguyễn Khải vận dụng thành công đoạn trữ tình ngoại đề trong truyện ngắn.

## Tác giả

Nguyễn Tuân (1910 – 1987) xuất thân trong một gia đình nhà nho ở Hà Nội. Tác phẩm tiêu biểu nhất: “Vang bóng một thời” (1933), “Sông Đà” (1960), Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi...

Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: *tài hoa, độc đáo và uyên bác*. Cái đẹp, cái thiên lương trong cuộc đời được ông nói đến với tâm hồn nghệ sĩ đích thực, với cái nhìn phát hiện và đầy sáng tạo. Văn của ông, chữ nghĩa của ông giàu có, tài hoa. Chuyện xưa và nay, chuyện trên rừng dưới biển, chuyện làm ăn, thú ăn chơi tao nhã... đến đặc sản, thổ ngơi, chuyện người, chuyện cây cỏ... từ rượu đến hoa, từ giò chả đến phở... được ông nói đến thật hay. Người đọc cảm thấy tâm hồn mình giàu có thêm lên qua từng trang văn độc đáo của ông, để yêu hơn, tự hào hơn đất nước, con người và nền văn hoá Việt Nam.

## Chủ đề

Ca ngợi sông Đà, núi rừng Tây Bắc vừa hùng vĩ vừa thơ mộng, đồng bào Tây Bắc cần cù, dũng cảm, rất tài tử, tài hoa.

## Nội dung

**1.** Con sông Đà hùng vĩ, dài trên năm trăm cây số, hiểm trở với hàng trăm thác ghềnh mang những cái tên cổ sơ, xa lạ (Hát Loóng, thác Giăng, Hót Gió, Mót Tôm...). Ở ghềnh Hát Loóng “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè...!”. Âm thanh tiếng thác nghe ghê rợn như tiếng rống của hàng ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, tre nứa bị cháy. Sông Đà có nhiều thạch trận, nhiều cửa tử ít cửa sinh, với những thần sông, thần đá trấn giữ “nhôm cả dẫy vô lấy thuyền”, đánh hồi lùng, đánh đòn tia, đánh đòn âm vào chỗ hiểm chực “đòi ăn chết cái thuyền”. Luồng nước vô sở bất chí, dòng thác hùng beo hồng hộc tể mạnh trên sông đầy thác ghềnh, thạch trận. Những ông tướng đá mặt xanh lè đáng sợ. Nhịp điệu câu văn dồn dập. Từ tượng thanh, từ tượng hình, những ẩn dụ so sánh, tiếng nói đời thường sông nước, ngôn từ nhà bình, thể thao thể dục, điện ảnh... được ông vận dụng để miêu tả thác ghềnh, gây ấn tượng về sự dữ dội, hiểm trở, hùng vĩ của sông Đà.

*Sông Đà còn mang vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng* “tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc, ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai”. “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích. Mùa thu nước sông Đà lừ lừ

chín đỏ”. Nguyễn Tuân gọi sông Đà là một cô nhân. Cảnh ven sông ở thượng nguồn lặng tờ. Có bầy hươu ngón búp cỏ gianh

đầm sương. Cá dầm xanh quẩy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Có đoạn, có khúc sông: “Bờ sông hoang đại như một bờ tiền sử - Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa”.

Một vẻ cổ thi, một câu đồng dao, một câu thơ Đường, một vài câu thơ của Tản Đà của Nguyễn Quang Bích được Nguyễn

Tuân lựa chọn đưa vào, cho thấy ông là một cây bút rất sành điệu, tài hoa dẫn dắt người đọc chiêm lĩnh vẻ đẹp sông Đà với

tình yêu sông núi, giang sơn.

## 2. Người lái đò sông Đà

- Làm ăn giỏi, hơn 10 năm cùng con thuyền xuôi ngược sông Đà. Thông thuộc thác ghềnh, thuộc địa hình dòng sông như thuộc bàn tay mình.

- Chiến thắng thần sông, thần đá, chinh phục mọi cửa tử cửa sinh. Dũng cảm và tài ba đưa con thuyền “vút qua cổng đá cánh mở, cánh khép”, như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước”... làm cho tên tướng đá “tiu nghiêu cái mặt xanh lè thất vọng...”. Có lúc bị luồng nước đánh đòn ác hiểm. “hột sinh dục vụt muốn thọt lên cổ”, nhưng ông vẫn bình tĩnh, tinh táo điều khiển con thuyền thoát hiểm.

- Rất tài tử. Sau một ngày dài đọ trí thi tài với thần sông thần đá, ông ung dung đốt lửa trong hang đá, nước ồng cơm lam,

nói về cá anh vũ, những hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mình bộc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng. Lúc ngừng chèo, ông chẳng hề bận tâm về chuyện vượt thác, chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ, quân tợn vừa rồi.

- Một chân dung tuyệt đẹp: Tuổi đã 70 mà cánh tay còn “trẻ trắng”, tóc bạc, cái đầu quắc thước, thân hình cao to, “gọn quánh như chất sừng, chất mun”. Tiếng nói âm vang át cả sóng nước. Ngực, vai có những vết chai như những củ nâu mà

Nguyễn Tuân gọi đó là thứ “huân chương lao động siêu hạng”, với thái độ cảm phục ngợi ca.

## Kết luận

*Người lái đò sông Đà* thể hiện phong cách nghệ thuật tài hoa tài tử, uyên bác, độc đáo trong thể tùy bút của Nguyễn

Tuân – con sông Đà là hình hài của Tổ quốc thân yêu. Người lái đò là hình ảnh con người Tây Bắc rất dũng cảm, cần cù và

tài ba. Ông đã đem tình yêu sông núi, tự hào về nhân dân để viết nên một trang hoa, tờ hoa đích thực. Đọc Nguyễn Tuân mà ta nhớ Tản Đà:

“Dải sông Đà bọt nước lênh bênh

Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình”

## Tác giả

Nguyễn Ngọc, Nguyễn Trung Thành là bút danh của Nguyễn Văn Báu. Sinh năm 1932 tại Quảng Nam. Lặn lội nhiều năm trên chiến trường ác liệt cả trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Chống Mĩ.

Tác phẩm: “Đất nước đứng lên” (1956), “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc” (1969), “Đất Quảng” (1973 – 1974),

...

Hơi hương Tây Nguyên, màu sắc tráng lệ, khuynh hướng sử thi... tạo nên cốt cách và vẻ đẹp văn chương của Nguyên

Ngọc - Nguyễn Trung Thành.

## Xuất xứ

Truyện “Rừng xà nu” được Nguyễn Trung Thành viết năm 1965, xuất hiện lần đầu trên Tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng miền trung Trung Bộ, số 2 năm 1965 – năm 1969, in trong tập truyện ký “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc”.

## Tóm tắt truyện

Sau 3 năm đi “lực lượng”, Thú về thăm làng. Bé Heng gặp anh ở con nước lớn dẫn anh về. Con đường cũ, ha

cái dốc, rừng lách chằng chịt hồ chông, hầm chông, giàn thò sắc lạnh. Mặt trời chưa tắt thì anh về đến làng. Cụ Mết già làng và bà con

dân làng reo lên mừng rỡ. Cụ Mết đưa anh về nhà ăn cơm. Từ nhà ung vang lên một hồi, ba tiếng mõ dài, cả lũ làng cầm đuốc kéo tới nhà cụ Mết gặp Tnú. Có ông bà già. Nhiều trai tráng và lũ con gái. Đông nhất là lũ trẻ con. Có cả cô Dít, em gái Mai, nay là bí thư chi bộ kiêm chính trị viên xã hội. Ai cũng muốn ngồi gần anh Tnú. Dít thay mặt lũ làng xem giấy có chữ ký

chỉ huy cho phép Tnú về thăm làng một đêm. Quanh bếp lửa rộn lên: “Tốt lắm rồi!” “Một đêm thôi, mai lại đi rồi, ỉ quá, tiếc quá!”. Rồi cụ Mết kể lại cuộc đời Tnú cho lũ làng nghe. Tiếng nói rất trầm. “Anh Tnú đó, nó đi Giải phóng quân đánh giặc...

Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta”. Anh Xút bị giặc treo cổ, bà Nhan bị giặc chặt đầu, nó và em Mai đi

vào rừng nuôi anh Quyết cán bộ. Anh dạy nó học chữ. Nó học chữ thì hay quên nhưng đi rừng làm liên lạc thì đầu nó sáng lạ

lùng. Nó vượt thác, xé rừng mà đi, lọt tất cả vòng vây của giặc. Một lần Tnú vượt thác Đắc nông thì bị giặc bắt, bị tra tấn, bị

đầy đi Kông Tum. Ba năm sau, Tnú vượt ngục trốn về, lưng đầy thương tích. Tnú đọc thư tuyệt mệnh của anh Quyết gửi cho

dân làng Xô Man trước khi anh tử thương. Tnú đi bộ lên núi Ngọc Linh đem về một gùi đá mài. Đêm đêm làng Xô Man thức

mài vũ khí. Thăng Dục chỉ huy đồn Đắc Hà đưa lũ ác ôn về vây ráp làng. Tiếng kêu khóc vang dậy. Cụ Mết và trai tráng lánh

vào rừng, bí mật bám theo giặc. Bọn giặc đã giết chết mẹ con Mai. Tay không ra cứu vợ con, Tnú bị giặc bắt. Chúng lấy nhựa xà nu đốt cháy 10 ngón tay anh. cụ Mết và lũ thanh niên từ rừng xông ra, dùng mác, và rựa chém chết tất cả 10 tên ác

ôn. Thăng Dục ác ôn và xác lũ lính ngồn ngang quanh đồng lửa trên nhà ung. Từ đó, làng Xô Man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng. Sau đó, Tnú ra đi tìm cách mạng...”

Cụ Mết ngừng kể, rồi hỏi Tnú đã giết được mấy thằng Diêm, mấy thằng Mĩ rồi? Anh kể chuyện đánh đồn, xông xuống

hầm ngầm dùng tay bóp chết thằng chỉ huy... thằng Dục, “đúng chứ... chúng nó đừa nào cũng là thằng Dục!”. Mưa rơi nặng

hạt. Không ai nhận thấy đêm đã khuya. Sáng hôm sau cụ Mết và Dít tiễn Tnú lên đường. Ba người đứng nhìn những rừng xà

nu nói tiếp chạy đến chân trời...

## Chủ đề

Ca ngợi tinh thần quật khởi, chí khí cách mạng và sức sống mãnh liệt của đồng bào các dân tộc và núi rừng Tây Nguyên trong cuộc đấu tranh vũ trang chống kẻ thù khát máu Mĩ - Diêm.

## Hình tượng rừng xà nu

**Rừng xà nu** vừa là cảnh sắc hùng vĩ vừa mang ý nghĩa tượng trưng. Mở đầu tác phẩm là hình ảnh rừng xà nu cùng bá Heng đón Tnú đi bộ đội về thăm làng; phần cuối cũng là rừng xà nu trùng điệp tiễn người anh hùng của quê hương đi tìm Mĩ, Diêm để diệt.

**Cây xà nu** ham ánh sáng và khí trời, nó vươn lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng... như Tnú, Mai, Dít, cụ Nét, bé Heng và

dân làng Xô Man sống và chiến đấu vì khát vọng tự do.

Nó cùng với dân làng Xô Man chung chịu gian nan và hy sinh. Anh Xút bị giặc treo cổ lên cây vả đầu làng, bà Nhan bị giặc

đốt cháy 10 đầu ngón tay, mẹ con Mai bị giặc đập chết... Rừng xà nu cũng bị đại bác giặc bắn suốt đêm ngày, hàng vạn cây không cây nào không bị thương, có những cây non trúng đạn, chất dầu còn loãng, vết thương cứ loét mãi ra rồi chết.

**Rừng xà nu** mang sức sống mãnh liệt và khí phách lẫm liệt như lũ làng. Cạnh một cây xà nu bị bắn gục, đã có

bốn năm cây  
con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Đã hai ba năm nay, trong mưa bom bão đạn, “rừng xà nu  
ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng”.

Giặc định dùng nhựa xà nu, lửa xà nu đốt dân làng Xô Man vào biển máu, nhưng chính lũ ác ôn do thằng Dục cầm đầu đã

bị cụ Mết và trai làng chém chết, xác chúng ngổn ngang quanh đồng lửa xà nu.

*Rừng xà nu* trùng điệp, hút tầm mắt chạy đến chân trời là *biểu tượng cho thế trận chiến tranh nhân dân, người người*

*lốp lốp*. Nguyễn Trung Thành đã tạo nên những hình ảnh ẩn dụ, nhưng liên tưởng kỳ vĩ để miêu tả rừng xà nu hùng vĩ với tất cả lòng yêu mến tự hào.

Nguyễn Trung Thành sau này có viết: “Hồi tháng năm năm 1962, hành quân từ miền Bắc vào (...) chiến trường của mình là

khu rừng bát ngát phía tây Thừa Thiên giáp Lào. Đó là một khu rừng xanh tím tấp tận chân trời. Tôi yêu cây rừng xà nu ngay

từ đó. Ấy là một loại cây hùng vĩ và cao thượng man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ ứa nhựa, tán lá vừa thanh

nhã vừa rắn rỏi...” (Về một truyện ngắn - Rừng xà nu).

### Những dũng sĩ làng Xô Man

- Cụ Mết, già làng râu dài tới ngực mà vẫn đen bóng, ngực căng như một cây xà nu lớn. Cụ là một thủ lĩnh quân sự, linh

hồn của cuộc chiến đấu và chiến thắng. Chính dưới lưỡi mác sáng loáng của cụ là xác thằng Dục ác ôn.

Chính sau tiếng hô

của cụ: “Chém! Chém hết” là những lưỡi mác của trai làng vung lên và xác lũ giặc ngổn ngang trên nhà ưng!

Chính cụ đã

khảng định một chân lý cách mạng để đi tới tự do: “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”. Sau chiến công đầu vị già

làng đã truyền hịch:

“Đốt lửa lên! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dụ, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông. Đốt lửa lên!”

Tiếng hịch ấy đã vang dội núi rừng. Và lửa cháy khắp rừng. Cụ Mết mang tấm vóc và khí phách như một anh hùng bộ tộc

xa xưa trong trường ca Tây Nguyên. Khuynh hướng sử thi bao trùm nhân vật xuất chúng này để ta yêu mến và khâm phục.

**Mai và Dít** tiêu biểu cho những người con gái Tây Nguyên thời đánh Mĩ. Bà Nhan bị giặc chặt đầu đã có Mai vào rừng

bảo vệ anh Quyết cán bộ. Mai là hiện thân của lòng trung thành với cách mạng, cần mẫn, hiền dịu, sáng dạ, bất khuất hiên ngang trước súng đạn quân thù. *Dít lớn lên, lại đi tiếp con đường của chị*. Đi tiếp tế cho du kích, bị giặc bắt, phải làm bia

đạn, sau mỗi viên đạn nổ “đôi mắt nó vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng”. Ba năm sau ngày chị hy sinh, Dít đã trưởng thành,

trở thành một bí thư chi bộ, một chính trị viên xã đội lãnh đạo cuộc chiến đấu của dân làng Xô Man. Trong mối quan hệ mới

với Tnú, cô Dít với tư cách lãnh đạo đã nghiêm trang trong thủ tục hỏi giấy tờ người lính từ mặt trận về thăm làng: “Không có giấy, trốn về thì không được. Ủy ban phải bắt thôi”. Là cô gái, là em chị Mai, cô Dít đã nhìn Tnú bằng “đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt” chan chứa yêu thương và như cô đã nói với Tnú: “Bọn em miệng đưa nào cũng nhắc anh mãi”. Mai và Dít

đều mang vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”...